



# **NHỮNG GIAI THOẠI VỀ TOÀN CẦU HÓA: PHỎNG VẤN NOAM CHOMSKY VÀ HA-JOON CHANG**

*C.J. Polychroniou*

Một ấn phẩm của VEPR



# Những giai thoại về toàn cầu hóa: Phỏng vấn Noam Chomsky và Ha-joon Chang<sup>1</sup>

C.J. Polychroniou<sup>2</sup>

*Biên dịch:* Nguyễn Thị Thu Giang<sup>3</sup>

*Hiệu đính:* Trần Mạnh Cường<sup>4</sup>

*Quan điểm được trình bày trong bài viết này là của (các) tác giả và không nhất thiết phản ánh quan điểm của dịch giả hoặc VEPR và Broaden Economics*

---

<sup>1</sup> Nguồn bản tiếng Anh: <http://www.truth-out.org/opinion/item/41037-myths-of-globalization-noam-chomsky-and-ha-joon-chang-in-conversation?tmpl=component&print=1>

<sup>2</sup> Nhà kinh tế chính trị/Nhà khoa học chính trị giảng dạy và làm việc tại các trường Đại học, các trung tâm nghiên cứu ở Mỹ và Châu Âu.

<sup>3</sup> CTV Nghiên cứu, Chương trình Nghiên cứu Kinh tế học mở rộng thuộc VEPR

<sup>4</sup> Phó Giám đốc, Chương trình Nghiên cứu Kinh tế học mở rộng thuộc VEPR

**Tổng quan:**

Từ cuối những năm 70 của thế kỷ trước, kinh tế thế giới và các cường quốc đã bước vào giai đoạn toàn cầu hoá (tân tự do) mà những ảnh hưởng và tác động của nó đối với sinh kế và đời sống cộng đồng của dân chúng đang làm dấy lên sự bất đồng lớn, đi kèm làn sóng chủ nghĩa dân tộc và quan điểm kì thị tầng lớp tinh hoa. Nhưng thực sự thì động lực của toàn cầu hoá là gì?

Xét đến cùng thì ai được hưởng lợi từ toàn cầu hoá? Liệu toàn cầu hoá và chủ nghĩa tư bản có đan xen nhau? Giải pháp nào cho sự leo thang bất bình đẳng và mất an toàn kinh tế trên diện rộng? Liệu các nhà cấp tiến và cách mạng có nên cùng ủng hộ lời kêu gọi cho sự đưa vào áp dụng thu nhập cơ bản phổ quát?

**Từ khóa:** Toàn cầu hóa, Chủ nghĩa Tư bản

*Từ cuối những năm 70 của thế kỷ trước, kinh tế thế giới và các cường quốc đã bước vào giai đoạn toàn cầu hoá (tân tự do) mà những ảnh hưởng và tác động của nó đối với sinh kế và đời sống cộng đồng của dân chúng đang làm dấy lên sự bất đồng lớn, đi kèm làn sóng chủ nghĩa dân tộc và quan điểm kì thị tầng lớp tinh hoa. Nhưng thực sự thì động lực của toàn cầu hoá là gì?*

*Xét đến cùng thì ai được hưởng lợi từ toàn cầu hoá? Liệu toàn cầu hoá và chủ nghĩa tư bản có đan xen nhau? Giải pháp nào cho sự leo thang bất bình đẳng và mất an toàn kinh tế trên diện rộng? Liệu các nhà cấp tiến và cách mạng có nên cùng ủng hộ lời kêu gọi cho sự đưa vào áp dụng thu nhập cơ bản phổ quát?*

*Trong bài phỏng vấn độc quyền đặc biệt dưới đây, hai trí tuệ dẫn đường của thời đại chúng ta - nhà ngôn ngữ và trí tuệ cộng đồng Noam Chomsky và nhà kinh tế học Đại học Cambridge Ha-joon Chang - sẽ chia sẻ quan điểm của họ về những câu hỏi trọng yếu trên.*

**C.J.Polychroniou:** Toàn cầu hoá thường được nhắc đến như một quá trình tương tác và hội nhập giữa các nền kinh tế và các cá nhân thông qua thương mại quốc tế và đầu tư nước ngoài với sự trợ giúp của công nghệ thông tin. Liệu toàn cầu hoá có vì thế mà là một quá trình trung lập mang tính tất yếu của các liên kết kinh tế, xã hội và công nghệ trên toàn thế giới, hay một thứ mang bản chất chính trị nhiều hơn mà ở đó, hành động của chính quyền sẽ tạo nên các đổi thay toàn cầu (toàn cầu hoá dẫn dắt bởi chính quyền)?

**Ha-joon Chang:** Giai thoại lớn nhất về toàn cầu hoá cho rằng đây là một quá trình được thúc đẩy bởi tiến bộ công nghệ. Điều này đã cho phép những người ủng hộ toàn cầu hoá dán nhãn cho các nhà phê bình xu hướng này là những “Luddites thời hiện đại” – người cố gắng đảo ngược sự phát triển không ngừng của khoa học và công nghệ.

Dù vậy, nếu công nghệ là thứ quyết định mức độ toàn cầu hoá, bạn sẽ giải thích thế nào về việc thế giới đã “toàn cầu hoá” hơn trong giai đoạn cuối thế kỉ 19 – đầu thế kỉ 20 so với giai đoạn giữa thế kỉ 20? Trong suốt kỉ nguyên Tự do đầu tiên khoảng từ 1870 đến 1914, chúng ta chỉ có tàu hơi nước và điện tín, nhưng nền kinh tế thế giới đã thực sự “toàn cầu hoá” hơn về mọi phương diện so với những năm giữa thế kỉ 20 (từ khoảng 1945 đến 1973) - khi mà chúng ta nắm trong tay mọi công nghệ phục vụ di chuyển và truyền thông tương tự hiện nay, trừ internet, điện thoại và chỉ thiếu tiện nghi hơn một chút.

Lý do khiến thế giới trở nên kém “toàn cầu hoá” hơn ở giai đoạn sau là bởi, trong suốt thời gian đó, hầu hết các nước áp dụng chính sách hạn chế lưu thông hàng hoá, dịch vụ, vốn và con người, và chỉ từ từ gỡ bỏ chúng. Đáng chú ý là, mặc dù mức độ toàn cầu hoá [của thế giới] thấp hơn, thì đây vẫn là giai đoạn mà chủ nghĩa tư bản thể hiện tốt hơn cả: phát triển nhanh nhất, mức độ bất bình đẳng thấp nhất, nền tài chính ổn định nhất, và – đối với những nền kinh tế tư bản phát triển, mức thất nghiệp thấp nhất

trong suốt 250 năm của chủ nghĩa tư bản. Đây là lý do tại sao giai đoạn này được gọi là “Ki nguyên Vàng của Chủ nghĩa Tư bản”.

Công nghệ chỉ xác lập ranh giới bên ngoài của toàn cầu hoá – chúng ta không thể chỉ chèo thuyền bằng tay không mà ra được biển lớn. Chính sách kinh tế (hoặc chính trị, nếu bạn muốn gọi như vậy) mới là thứ quyết định chính xác mức độ toàn cầu hoá của các khu vực.

Hình thái hiện tại – toàn cầu hóa định hướng bởi thị trường và dẫn dắt bởi các tập đoàn không phải lựa chọn duy nhất – nếu không nói là tốt nhất – của toàn cầu hoá. Một hình thái công bằng, năng động và bền vững hơn là có thể đạt được.

**Chúng ta biết rằng toàn cầu hoá thực sự bắt đầu từ thế kỉ 15. Kể từ đó, quá trình này đã trải qua nhiều giai đoạn mà mỗi giai đoạn trong đó đều phản ánh các tác động ngầm ẩn của quyền lực chính trị và sự chuyển biến thể chế như doanh nghiệp với sự nổi lên của công nghệ mới và truyền thông. Vậy giai đoạn hiện tại (từ 1973 đến nay) của toàn cầu hoá khác gì so với những giai đoạn trước đó?**

**Chang:** Giai đoạn hiện tại của toàn cầu hoá rất khác so với các giai đoạn trước, trên hai phương diện quan trọng như sau.

Điểm khác biệt đầu tiên là giai đoạn hiện nay ít tính chủ nghĩa đế quốc hơn.

Trước năm 1945, các nước tư bản phát triển thực hiện [công khai] chủ nghĩa đế quốc. Họ xâm lược các nước yếu hơn hoặc áp đặt “những chính sách bất công” với các nước này, thực chất vẫn là tiến hành thuộc địa hoá - chẳng hạn thông qua việc cho thuê để chiếm đóng lãnh thổ, cướp đoạt quyền đặt ra hàng rào thuế quan...

Từ năm 1945, chúng ta đã chứng kiến sự trỗi dậy của một hệ thống toàn cầu chống lại chủ nghĩa đế quốc. Làn sóng liên tiếp của quá trình giải phóng thuộc địa đã diễn ra, cho phép các nước này, một khi đã giành được độc lập, trở thành thành viên của Liên hợp quốc dựa trên nguyên tắc mỗi-nước-một-lá-phiếu.

Tất nhiên thực tế không hoàn toàn như vậy – các thành viên thường trực của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc mới có quyền quyết định chính thức, bên cạnh đó, các tổ chức kinh tế quốc tế (Quỹ Tiền tệ Quốc tế, Ngân hàng Thế giới) hoạt động trên nguyên tắc mỗi đô-la một lá phiếu (tức là mỗi lá phiếu cần tương ứng với một khoản đầu tư nhất định). Dầu sao, thế giới sau 1945 đã tốt hơn rất nhiều so với trước đó.

Không may là, bắt đầu từ năm 1980 và leo thang từ những năm giữa thập niên 90, nền độc lập của các nước sau thực dân bắt đầu giảm sút. Sự ra đời của Tổ chức Kinh tế Thế giới (WTO) vào năm 1995 đã rút ngắn “khoảng cách chính sách” cho các nước đang phát triển. Sự rút ngắn này đã được tăng cường bởi hàng loạt các hiệp định thương mại - đầu tư song phương và khu vực giữa các nước giàu và các nước đang phát triển

như Hiệp định Thương mại Tự do của Mỹ và Hiệp định Hợp tác Kinh tế của các nước trong khối Liên minh Châu Âu.

Điểm thứ hai phân biệt toàn cầu hóa sau năm 1970 là sự tăng cường hơn bao giờ hết các tập đoàn xuyên quốc gia. Các tập đoàn này tồn tại từ cuối thế kỉ 19, nhưng phải từ những năm 1980 tầm quan trọng về kinh tế của chúng mới được gia tăng mạnh mẽ.

Những tập đoàn này cũng tác động tới sự định hình các quy tắc toàn cầu nhằm tăng cường quyền lực của mình. Quan trọng nhất là, họ đã đưa cơ chế giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư với nhà nước (ISDS) vào rất nhiều hiệp định thương mại quốc tế. Bằng cơ chế này, các tập đoàn xuyên quốc gia có thể đưa các chính phủ ra trước tòa phán quyết ba trọng tài, được chọn từ các luật sư thương mại quốc tế, nếu luật lệ của chính quyền đưa ra gây ảnh hưởng tới lợi nhuận của họ. Đây là sự bành trướng chưa từng có quyền lực của các tập đoàn.

### **Noam, toàn cầu hoá và chủ nghĩa tư bản có khác nhau không?**

**Noam Chomsky:** Nếu chúng ta định nghĩa “toàn cầu hoá” là hội nhập quốc tế thì đó chính là chủ nghĩa tư bản cũ. Con đường tởn lợm từ giai đoạn tiền Ki-tô chính là sự mở rộng của toàn cầu hoá. Sự trỗi dậy của chủ nghĩa tư bản nhà nước công nghiệp đã thay đổi quy mô và đặc tính của toàn cầu hoá. Rất nhiều thứ đã thay đổi kể từ khi nền kinh tế toàn cầu được tái định hình bởi những con người mà Adam Smith mệnh danh là “chủ nhân của nhân loại”, theo đuổi một “phương châm xấu xa”: “Tất cả vì chúng ta, và không gì cho những kẻ còn lại.”

Mặc dù các chính sách chỉ thay đổi một chút khi chính quyền thay đổi, chúng ta đã được chứng kiến những thay đổi lớn lao diễn ra trong suốt giai đoạn gần đây của toàn cầu hoá tân tự do kể từ cuối những năm 1970 với những nhân vật mang tính biểu tượng - Reagan và Thatcher. Các tập đoàn xuyên quốc gia là động lực thúc đẩy, và quyền lực chính trị của họ định hình chính sách của nhà nước theo hướng có lợi cho mình nhất.

Trong suốt những năm qua, được hỗ trợ bởi chính sách của nhà nước mà họ chi phối, những công ty xuyên quốc gia đã kiến thiết chuỗi giá trị toàn cầu (GVCs) mà ở đó những doanh nghiệp dẫn đầu thuê ngoài việc sản xuất thông qua mạng lưới toàn cầu tinh vi. Một minh họa điển hình là Apple, công ty lớn nhất thế giới. Chiếc điện thoại iPhone được thiết kế tại Mỹ. Các bộ phận từ nhiều nhà cung cấp ở Mỹ và Đông Á được lắp ráp hầu hết tại các nhà máy Trung Quốc, sở hữu bởi gã khổng lồ Đài Loan Foxconn. Lợi nhuận của Apple ước tính gấp 10 lần lợi nhuận của Foxconn, trong khi giá trị gia tăng và lợi nhuận ở Trung Quốc - nơi các công nhân bị vắt kiệt sức lực trong các điều kiện tồi tàn - là rất ít. Apple sau đó đặt văn phòng tại Ireland nhằm trốn thuế tại Mỹ và đã bị phạt 14 tỉ đô-la ở khu vực Liên minh Châu Âu.

Xem xét vấn đề “thế giới GVC” trên tờ Quan hệ Quốc tế của Anh, cây bút Nicola Phillips đã chỉ ra rằng có hàng nghìn công ty tham gia vào chuỗi sản xuất của Apple trong khi không có bất cứ mối quan hệ chính thức nào với công ty này, ở các mắt xích thấp hơn, người ta thậm chí còn không biết những sản phẩm mình làm ra sẽ đi đâu. Tình trạng này đang ngày càng phổ biến.

Tầm vóc vĩ đại của hệ thống toàn cầu hoá này được hé lộ trong bản Báo cáo Đầu tư Thế giới năm 2013 của Ủy ban Thương mại và Phát triển Liên hợp quốc. Ước tính tới 80 phần trăm thương mại toàn cầu phát sinh trong chuỗi giá trị và được vận hành bởi các tập đoàn xuyên quốc gia, chiếm khoảng 20 phần trăm công việc trên thế giới.

Vấn đề sở hữu trong nền kinh tế toàn cầu hoá đã được nghiên cứu bởi nhà kinh tế chính trị Sean Strarrs. Ông chỉ ra rằng ước tính chung về sự của cải của quốc gia tính theo GDP đang chỉ dẫn sai trong kỉ nguyên của toàn cầu hoá tân tự do. Với chuỗi cung ứng tích hợp phức tạp, hợp đồng phụ và các công cụ khác, khối của cải của thế giới mà các tập đoàn sở hữu đang trở thành thước đo thực tế hơn đối với quyền lực toàn cầu so với của cải của quốc gia, bởi lẽ thế giới đang xa dần mô hình kinh tế chính trị cô lập. Điều tra về vấn đề sở hữu của các tập đoàn, Strarrs nhận ra rằng trong bất cứ khu vực kinh tế nào – sản xuất, tài chính, dịch vụ, bán lẻ và các hoạt động khác - các tập đoàn của Mỹ rất giỏi trong việc dẫn dắt vấn đề sở hữu trong nền kinh tế toàn cầu. Nhìn chung, sở hữu của họ chiếm tới 50 phần trăm tổng lượng tài sản. Con số này gần với dự đoán cao nhất về của cải quốc gia của Mỹ trong năm 1945 – thời điểm đỉnh cao quyền lực của nước này. Của cải của nước Mỹ theo các thước đo chung đã giảm tới khoảng 20 phần trăm từ năm 1945 đến nay. Nhưng sở hữu tập đoàn trong nền kinh tế toàn cầu hoá thì thực sự tăng vọt.

**Lập luận chuẩn chỉnh của các chính trị gia dòng chính là toàn cầu hoá mang lại lợi ích cho mọi người. Thế nhưng, toàn cầu hoá tạo ra cả kẻ thua và người thắng, như những gì Branko Milanovic đã biết trong cuốn *Bất bình đẳng Toàn cầu*, vì vậy, câu hỏi đặt ra là: thành công trong toàn cầu hoá có phải chăng là vấn đề của các kĩ năng?**

**Chang:** Giả thuyết rằng toàn cầu hoá mang lợi ích cho tất cả mọi người dựa trên các lí thuyết kinh tế phổ biến cho rằng công nhân có thể được chuyển chuyên hiệu quả một cách miễn phí trong trường hợp thương mại quốc tế hoặc đầu tư xuyên biên giới khiến một số nền công nghiệp ngưng trệ.

Xét trên quan điểm này, nếu nước Mỹ kí hiệp ước NAFTA với Mexico, một số công nhân ngành ô tô ở Mỹ sẽ mất việc nhưng không hoàn toàn rơi khỏi thị trường nghề nghiệp, nếu họ học hỏi và xin việc mới ở những ngành công nghiệp đang mở rộng nhờ NAFTA như phần mềm hoặc nghiệp vụ ngân hàng đầu tư.

Bạn sẽ thấy ngay sự ngỡ ngàng của lập luận này – bao nhiêu công nhân ngành ô tô ở Mỹ mà bạn biết đã tự học lại để trở thành kỹ sư phần mềm hoặc nhân viên ngân hàng đầu tư trong một vài thập kỷ vừa qua? Thông thường, những công nhân này rất cuộc sẽ phải chuyển sang làm việc ca đêm tại một xưởng cơ khí, một nhà kho hoặc giam mình trong công việc ở các siêu thị với mức lương thấp hơn nhiều so với trước đây.

Vấn đề là, dẫu toàn cầu hoá có đem lại tổng lợi ích cho đất nước, đâu đó ngoài kia vẫn luôn tồn tại những kẻ thua cuộc, đặc biệt (không phải chỉ riêng) với những người mà kỹ năng nghề nghiệp của họ thậm chí không còn giá trị gì nữa. Và nếu như những kẻ bị hất ra ngoài này không được đền bù theo một cách nào đó, chúng ta không thể nói rằng toàn cầu hoá tốt cho “tất cả mọi người”...

Tất nhiên, hầu hết các nước giàu đều có cơ chế để những kẻ thắng cuộc trong tiến trình toàn cầu hoá (hay thực sự là với bất kỳ biến đổi kinh tế nào) bù đắp cho người thua. Cơ chế căn bản nhất để thực hiện việc này chính là một nhà nước phúc lợi, nhưng cũng có những cơ chế để tìm việc làm và tái đào tạo được hỗ trợ tài chính công – các nước Bắc Âu thực hiện khá tốt việc này – cùng hệ thống hỗ trợ các khu vực cụ thể để bù đắp cho “những người thua cuộc” (ví dụ như bảo hộ cho doanh nghiệp để thúc đẩy tái cấu trúc, rút tiền trả lương lần cuối cho công nhân). Những cơ chế này hoạt động tốt hơn ở một số nước nhất định, nhưng không ở đâu hoàn hảo, và không may thay, chúng đôi khi còn khiến mọi việc tồi tệ hơn. (Sự co lại của mô hình nhà nước phúc lợi ở Vương quốc Anh gần đây là một minh chứng rõ nét.)

### **Ha-Joon Chang, theo quan điểm của ông thì sự đồng quy giữa toàn cầu hoá và công nghệ liệu có sẽ làm tăng hay giảm bất bình đẳng?**

**Chang:** Như ý kiến của tôi ở trên, công nghệ và toàn cầu hoá không phải là định mệnh của nhau.

Thực tế là bất bình đẳng thu nhập thực sự đã giảm ở Thụy Sĩ từ 1990 đến 2000. Ở Canada và Hà Lan, bất bình đẳng cũng hiếm khi tăng trong suốt giai đoạn tân tự do mà mỗi nước đều có thể có chỉ số bất bình đẳng thu nhập riêng trong khi có cùng công nghệ, trong cùng một xu thế kinh tế toàn cầu.

Các nước thực sự có thể làm rất nhiều biện pháp để tác động tới bất bình đẳng thu nhập. Rất nhiều nước thuộc khối EU, bao gồm Đức, Pháp, Thụy Điển và Bỉ có chỉ số này bằng (thậm chí thường xuyên cao hơn) Mỹ trước khi họ tiến hành phân phối lại thu nhập qua việc đánh thuế lũy tiến và xây dựng phúc lợi quốc gia. Nhờ việc tích cực phân phối lại, chỉ số bất bình đẳng ở các nước này đã giảm đi đáng kể.

### **Noa, bằng cách nào toàn cầu hoá làm tăng xu hướng gia tăng tự nhiên hướng đến phụ thuộc kinh tế, bất bình đẳng và bóc lột của chủ nghĩa tư bản?**



**Chomsky:** Toàn cầu hoá trong suốt kỉ nguyên của tư bản công nghiệp đã luôn làm gia tăng sự phụ thuộc, bất bình đẳng và bóc lột – thông thường là – tới những giới hạn đáng sợ. Hãy xem xét một ví dụ kinh điển, cách mạng công nghiệp giai đoạn đầu - dựa vào cotton được sản xuất chủ yếu ở Nam Mỹ – nơi tồn tại vòng luẩn quẩn nô lệ khủng khiếp nhất trên thế giới – đã khoác lên mình chiếc áo mới sau cuộc Nội chiến với việc hình sự hóa cuộc sống của Người da đen và hoạt động lĩnh canh. Phiên bản toàn cầu hoá ngày nay không chỉ siêu-bóc-lột ở những mắt xích thấp hơn của hệ thống chuỗi giá trị toàn cầu mà rõ ràng còn mang tính diệt chủng, đáng chú ý là ở Đông Congo nơi hàng triệu người đã bị tàn sát gần đây để những khoáng sản độc hại có thể tìm đường đến các thiết bị công nghệ cao được sản xuất trong chuỗi giá trị toàn cầu.

Nhưng thậm chí bên cạnh những nhân tố ẩn của toàn cầu hoá... mưu cầu của thứ gọi là “phương châm xấu xa” cũng khơi dậy một cách tự nhiên những hệ quả như vậy. Nghiên cứu Phillips mà tôi đã đề cập là một ví dụ hiếm có điều tra về vấn đề “bất bình đẳng đã được sản sinh và tái tạo như thế nào trong một thế giới (tạo nên bởi các chuỗi giá trị toàn cầu) (thông qua) các thông tin lệch lạc về quyền lực của thị trường, xã hội và chính trị.” [Như Phillips đã cho thấy](#), “Sự củng cố và tính linh hoạt của những lệch lạc trong thị trường nằm ở việc đảm bảo một cấu trúc sản xuất mà một số nhỏ những doanh nghiệp lớn hàng đầu - nhiều trường hợp chính là các nhà bán lẻ danh tiếng - chiếm một vị trí trong hệ thống độc quyền tập đoàn. Đây là vị trí thống lĩnh thị trường mà ở đó, các mắt xích thấp hơn của hệ thống sản xuất được định hình bằng dân số đông đúc và thị trường cạnh tranh khốc liệt... Hậu quả khắp thế giới đã và đang là sự bùng nổ của những bấp bênh, mất đảm bảo và việc bóc lột nhân công trong chuỗi sản xuất toàn cầu, mà lực lượng lao động bao gồm chủ yếu những đối tượng ngoài luồng, dân nhập cư và phụ nữ, đang dần mở rộng ở phía cuối của phạm vi hướng tới sự sử dụng có tính toán nguồn lao động bắt buộc.

Những hệ quả này được tăng cường bởi giao thương thận trọng và chính sách tài chính, một vấn đề đã được bàn kĩ bởi Dean Baker. [Khi ông chỉ ra](#), ở Mỹ “từ tháng 12 năm 1970 đến tháng 12 năm 2000, lao động trong ngành sản xuất thực tế không thay đổi, trừ thất nghiệp chu kỳ lúc lên lúc xuống. Trong 7 năm tiếp theo, từ tháng 12 năm 2000 đến tháng 12 năm 2007, lao động trong ngành sản xuất giảm hơn 3.4 triệu người, gần 20%. Sự sụt giảm lượng lao động không phải nhờ tự động hoá mà chính là do sự bùng nổ của thâm hụt cán cân thương mại vào giai đoạn này. Có thêm nhiều yếu tố tự động (hay chính là tăng năng suất) trong ba thập kỉ từ 1970 đến 2000, nhưng cầu lớn hơn khiến tổng lượng lao động không thay đổi. Điều này không còn đúng khi thâm hụt cán cân thương mại lên tới gần 6% GDP vào năm 2005 và 2006 (hơn 1,1 tỉ đô trong nền kinh tế hiện tại).”

Đó là những hệ quả rõ nét của chính sách đồng đô la mạnh và sự giả mạo “tự do thương mại” của các hiệp định vì quyền lợi của nhà đầu tư – trong những lựa chọn vì lợi ích của các ông chủ, không phải là kết quả của luật kinh tế.

**Ha-Joon Chang, những cải cách hướng tới chiến lược phát triển để đương đầu với các hiệu ứng tiêu cực từ toàn cầu hoá, nhưng lại không đạt được nhiều đồng thuận về cách hiệu quả và thực tế nhất. Trong bối cảnh như vậy, những câu trả lời rất đa dạng từ những hình thái thay thế của toàn cầu hoá đến nội địa hoá? Ông nghĩ gì về vấn đề này?**

**Chang:** Nói một cách ngắn gọn, tôi thích kiểu toàn cầu hoá được quản lý chặt chẽ hơn, dựa trên những hạn chế khắt khe đối với lưu thông vốn, hàng hoá và dịch vụ. Hơn nữa, kể cả với những hạn chế này, sẽ không tránh khỏi có kẻ thắng – người thua, và bạn cần một chế độ phúc lợi quốc gia mạnh hơn và những cơ chế khác mà qua đó những người thua được bù đắp. Xét về khía cạnh chính trị, một sự kết hợp chính sách như vậy sẽ yêu cầu tiếng nói mạnh mẽ hơn từ phía người lao động và công dân.

Tôi không nghĩ nội địa hoá là một giải pháp, mặc dù sự linh hoạt của nội địa hoá sẽ phụ thuộc vào từng địa phương và vấn đề chúng ta đang bàn đến. Nếu địa phương đó là một ngôi làng hoặc quần thể dân cư trong khu vực thành phố, bạn sẽ thấy ngay rằng có rất ít thứ có thể “nội địa hoá”. Nếu bạn đang nói về một vùng đất (bang) của Đức hoặc một bang của Mỹ, tôi có thể thấy nơi đó có thể cố gắng gia tăng lượng lương thực nhiều hơn hoặc sản xuất một số sản phẩm hiện đang nhập khẩu cho chính nó. Tuy nhiên, nhìn chung, đơn giản là không có được phần lớn những thứ được cung cấp trên quy mô địa phương. Sẽ là thiếu khôn ngoan nếu mọi quốc gia, tất nhiên không phải các bang của Mỹ, tự sản xuất máy bay, điện thoại và thậm chí là cả thức ăn cho mình.

Nói như vậy, không có nghĩa là tôi phản đối tất cả các hình thái nội địa hóa. Có những thứ chắc chắn có thể cung cấp ở góc độ địa phương hơn, như một số loại thực phẩm nhất định hoặc việc chăm sóc y tế.

**Một câu cuối: Ý tưởng về thu nhập cơ bản phổ quát dù chậm nhưng đã dần dần tạo dựng được nền móng như một công cụ chính sách để giải quyết các vấn đề nghèo đói và những quan ngại về vấn đề tự động hoá. Thực tế, những công ty như Google và Facebook đang tiên phong cho thu nhập cơ bản phổ quát, mặc dù xã hội sẽ phải trả giá cho chính sách này khi hầu hết các công ty đa quốc gia chuyển sang sử dụng robot và tận dụng các kĩ thuật được máy tính hỗ trợ trong các công việc vốn được thực hiện thủ công. Liệu các nhà cải cách và phe đối lập của toàn cầu hoá tư bản chủ nghĩa nói chung có ủng hộ ý tưởng về thu nhập cơ bản phổ quát?**

**Chang:** Thu nhập cơ bản phổ quát (UBI) có rất nhiều phiên bản, nhưng là ý tưởng thuộc chủ nghĩa tự do cổ điển khi xét đến sự chú trọng vào tối đa hoá tự do cá nhân hơn là bản sắc tập thể và sự đoàn kết.

Tất cả công dân của các quốc gia có mức thu nhập trung bình trở lên đều sở hữu một lượng tài nguyên cơ bản. (Ở các quốc gia nghèo hơn, thường họ sẽ chẳng có gì trong tay) Các công dân này sẽ tiếp cận được dịch vụ chăm sóc y tế, giáo dục, lương hưu, nước sạch và những dịch vụ “cơ bản” khác trong cuộc sống. Ý tưởng đằng sau UBI là trao quyền sở hữu tài nguyên vào tay cá nhân bằng tiền mặt (chứ không phải bằng hiện vật) nhiều nhất có thể, từ đó, họ có thể có được lựa chọn tối đa.

Phiên bản UBI của cánh hữu, được hậu thuẫn bởi Friedrich von Hayek và Milton Friedman, bậc thầy của chủ nghĩa tân tự do, cho rằng chính phủ nên đem tới cho công dân thu nhập cơ bản ở mức tồn tại mà không cung cấp thêm bất cứ (hoặc chỉ rất ít) hàng hoá và dịch vụ nào. Theo như tôi có thể thấy, phiên bản này của UBI được ủng hộ bởi các công ty ở Thung lũng Silicon. Tôi hoàn toàn không đồng ý với nó.

Cũng có những nhà tự do cổ điển cánh tả ủng hộ UBI, những người đặt yêu cầu cao hơn một chút, cho rằng phải có phân phối lại thu nhập. Nhưng họ quá tin vào việc dự trữ tập thể hàng hoá và dịch vụ cơ bản qua phúc lợi quốc gia sẽ được giảm tới mức tối thiểu (mặc dù “mức tối thiểu” này vẫn lớn hơn mức của chủ nghĩa tân tự do). Phiên bản này với tôi dễ chấp nhận hơn, nhưng chưa thuyết phục.

Đầu tiên, nếu các thành viên của một xã hội cùng nhau cung cấp một số hàng hoá và dịch vụ, họ có quyền tập thể để tác động lên việc mọi người sẽ sử dụng tài sản cơ bản như thế nào.

Thứ hai, dự trữ thông qua phúc lợi xã hội toàn cầu dựa trên quyền công dân giúp các dịch vụ xã hội như sức khỏe, giáo dục, chăm sóc trẻ em, bảo hiểm thất nghiệp và lương hưu trở nên rẻ hơn thông qua việc mua chung và dồn rủi ro. Sự thật là nước Mỹ chi tiêu cho chăm sóc sức khỏe nhiều hơn các nước giàu có khác ít nhất 50% (17% GDP ở Mỹ so với nhiều nhất 11.5% ở Thụy Sĩ) nhưng lại có chỉ số sức khỏe kém nhất chỉ ra rõ ràng những vấn đề tiềm ẩn mà chúng ta có thể có trong một hệ thống như UBI kết hợp với dự trữ cá nhân cho các dịch vụ xã hội cơ bản, kể cả với mức UBI cao.

**Chomsky:** Câu trả lời, tôi nghĩ, là: “còn tùy” – cụ thể là tùy bối cảnh kinh tế xã hội và chính trị mà ý tưởng này được nâng cao. Xã hội mà chúng ta ngưỡng vọng, tôi nghĩ, sẽ tôn trọng quan niệm “dựa theo nhu cầu của mỗi người (jedem nach seinen Bedürfnissen)” hưởng theo nhu cầu. Giữa bọn bề lo lắng cho các nhu cầu thiết yếu, luôn tồn tại cuộc sống của phẩm cách và sự thoả nguyện. Điều này được cụ thể hoá dưới dạng các công việc tự giác, đặc biệt là trong sự đoàn kết và liên hệ với mọi người, cống hiến sáng tạo và đem lại giá trị đối với cộng đồng rộng lớn. Những công việc như thế có thể có nhiều dạng thức: xây một cây cầu đẹp và cần thiết, nhận nhiệm vụ dạy - học cùng trẻ em đầy thử thách, giải quyết một vấn đề nổi cộm trong lý thuyết số hay hàng nghìn điều khác. Cung cấp cho những nhu cầu như vậy chắc chắn nằm trong tầm tay.

Trong thế giới hiện nay, các doanh nghiệp chuyển sang tự động hoá ngày càng nhiều, như họ đã làm trong quá khứ; với máy tủa bông chẳng hạn. Hiện nay, có ít bằng chứng cho thấy những tác động là khác thường. Những ảnh hưởng chủ yếu nằm ở năng suất - thực sự là đang thấp so với tiêu chuẩn của đầu kỉ nguyên hậu thế chiến II. Trong khi đó còn rất nhiều công việc cần làm – từ việc tái thiết cơ sở hạ tầng đã sụp đổ tới thành lập các ngôi trường đủ tiêu chuẩn để tăng cường tri thức - hiểu biết cùng rất nhiều điều nữa. Có rất nhiều người sẵn sàng làm việc này. Chúng ta có vô vàn những nguồn lực. Nhưng hệ thống kinh tế xã hội lại đang sai lầm trầm trọng khiến cho việc kết hợp những nhân tố trên một cách thoả đáng là không thể - và với chiến dịch Trump-Đảng Cộng hoà hiện tại – thiết lập một nước Mỹ nhỏ bé run rẩy trong các bức tường, tình trạng chỉ có thể trầm trọng hơn. Việc robot và các hình thức tự động khác đang giải phóng con người khỏi công việc thường nhật và nguy hiểm để đạt tới những khao khát sáng tạo hơn (và đặc biệt trong một nước Mỹ bị đánh cắp thời gian nhàn rỗi, với thời gian cho bản thân) là một điều tốt. UBI có thể là một giải pháp, mặc dù đó là một công cụ quá thô sơ để đạt được phiên bản Mác xít được ưa thích.



## **NHỮNG TÁC PHẨM DỊCH KHÁC**

**BET-02 Cuộc khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản: Keynes đối đầu với Marx**

**BET-03 Nghệ thuật và khoa học của Kinh tế học tại Cambridge**

**BET-04 Keynes đã đến nước Anh như thế nào**

**BET-05 Kinh tế học Keynesian, Keynesian mới và Cổ điển mới**

**BET-06 Điều làm nên một nhà kinh tế học**

**BET-07 Chiến thắng của các nhà kinh tế**

### LIÊN HỆ

**Chương trình Nghiên cứu Kinh tế học mở rộng (Broaden Economics)**

Viện Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách (VEPR)

Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội

Địa chỉ: Phòng 707, Nhà E4

144 Xuân Thủy, Cầu Giấy

Hà Nội, Việt Nam

Tel: (84-4) 3 754 7506 -704/714/734

Fax: (84-4) 3 754 9921

Email: [broadeneconomics@rethinkeconomics.org](mailto:broadeneconomics@rethinkeconomics.org)

Website: [www.vepr.org.vn](http://www.vepr.org.vn)

Bản quyền © Broaden Economics 2017